ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1384 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 27 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Ban chấp hành Trung ương về Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Căn cứ Kế hoạch số 236-KH/TU ngày 23/8/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Ban chấp hành Trung ương về Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 12402/TTr-SNNMT ngày 22/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện

Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh được thực hiện theo Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này; các nội dung liên quan đã được quy định tại Quyết định số 1059/QĐ-UBND ngày 03/4/2014, Quyết định số 9009/QĐ-UBND ngày 13/9/2021 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 3147/KH-UBND ngày 09/10/2024 của UBND tỉnh thì thực hiện theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP. UBND tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Minh Lâm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 27/01 /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (*sau đây gọi là Nghị quyết số 122/NQ-CP*); xác định các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp chủ yếu của tỉnh nhằm quán triệt và chỉ đạo các sở, ban, ngành và các địa phương tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 122/NQ-CP.

2. Kế hoạch này là căn cứ để các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

3. Kế hoạch sẽ bao gồm các nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đã được định hướng trong các chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, các sở ngành tỉnh, địa phương phải xác định được những nhiệm vụ và giải pháp căn cơ kèm thời gian thực hiện hoặc xây dựng cơ chế phối hợp trong triển khai thực hiện các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính; đồng thời có bước chuyển biến cơ bản trong khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên; kiểm soát được các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường và mức độ suy giảm đa dạng sinh học; bảo đảm được chất lượng môi trường sống và cân bằng sinh thái; định hướng tới nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường.

2. Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2030, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể sau:

2.1. Về ứng phó với biến đổi khí hậu

- Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; nâng cao khả năng chống chịu và năng lực thích ứng; tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu.

- Chủ động ứng phó, giảm thiệt hại do thiên tai gây ra, trong đó tập trung bảo đảm an toàn tính mạng cho người dân khi bão, lũ xảy ra; bảo đảm từ 80% số hộ trở lên thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn.

- Kiểm soát mức phát thải khí nhà kính, bảo đảm tổng lượng phát thải khí nhà kính giảm 15,8% so với kịch bản phát triển thông thường (BAU); đạt mức tiết kiệm năng lượng khoảng 7-10% trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng so với BAU. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng năng lượng theo hướng tăng tỷ lệ các nguồn năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp đạt khoảng 15 - 20%.

2.2. Về quản lý tài nguyên

- Quy hoạch, quản lý và khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung: (***1***) kiểm soát cơ bản 90% các hoạt động khai thác, sử dụng nước; (***2***) nâng cao hiệu quả, năng lực khai thác, sử dụng nước và giảm tối đa tỷ lệ thất thoát nước trong hoạt động cấp nước xuống 10%; (***3***) khắc phục hiệu quả tình trạng thiếu nước vào mùa khô ở các xã vùng hạ; (***4***) bảo đảm nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội; (***5***) thực hiện quản lý chặt chẽ, khai thác và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản.

2.3. Về bảo vệ môi trường

- Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung vận hành đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%.

- Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận đạt 100%.

- Tăng cường năng lực quản lý tổng hợp chất thải rắn, tiến hành đồng thời các giải pháp nhằm đẩy mạnh công tác phân loại, lưu giữ, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý; đảm bảo 100% chất thải rắn sinh hoạt đô thị và 98% chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định.

- Không để phát sinh các điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh; nâng cao chất lượng môi trường không khí khu vực đô thị, khu dân cư tập trung.

- Quản lý, bảo vệ Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát, Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen và các khu rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn Hồ Dầu Tiếng.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, thúc đẩy các hành động có trách nhiệm của cộng đồng theo hướng chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, các-bon thấp, kinh tế tuần hoàn, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, quản lý hiệu quả chất thải rắn, giảm thiểu rác thải nhựa hướng đến đạt được mục tiêu phát triển bền vững và trung hòa các-bon. Tổ chức đào tạo, cập nhật và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường công tác phối hợp với nhà trường, các cơ sở giáo dục để tuyên truyền, định hướng cho học sinh, sinh viên từ bậc tiểu học đến đại học, về nhận thức, ý thức giữ gìn bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Phát huy vai trò trung tâm, chủ thể của doanh nghiệp, người dân trong chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường dựa trên chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; chú trọng vai trò phản biện của các tổ chức chính trị - xã hội.

- Thay đổi tư duy và nhận thức, xem nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng "0" là thách thức, đồng thời cũng là cơ hội để phát triển bền vững, góp phần xây dựng và phát triển nền kinh tế.

- Phổ biến, thông tin về các yêu cầu, các thực hành tốt, mô hình tiên tiến về chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường góp phần chủ động tham gia chuỗi giá trị xanh toàn cầu, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo hướng hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

- Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, đẩy mạnh việc áp dụng các công cụ kinh tế, tiếp cận thị trường để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Hoàn thiện và ban hành các phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh việc lồng ghép các định hướng về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong các chương trình, kế hoạch, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, phòng, chống tội phạm trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Nâng cao vai trò phản biện, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong quá trình thực thi pháp luật; chú trọng

giám sát, kiểm soát chặt chẽ các dự án, cơ sở thuộc danh mục dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Kiểm soát chặt chẽ ngay từ khâu thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh, thực hiện nghiêm các quy định về thẩm định công nghệ khi xem xét, lựa chọn phương pháp, công nghệ xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường; ngăn chặn, kiểm soát chặt chẽ các dự án đầu tư sử dụng công nghệ lạc hậu, loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan.

- Triển khai đầy đủ, toàn diện Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Đất đai năm 2024, các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Thực hiện chuyển đổi xanh, thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng công bằng

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050. Tập trung nguồn lực nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình kinh tế xanh, đô thị, nông thôn xanh; thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp và huy động mọi nguồn lực xã hội trong giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm các hệ sinh thái tự nhiên, các thách thức trong thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện mục tiêu đến năm 2050 đạt phát thải ròng bằng "0".

- Xây dựng và thực hiện các chương trình, đề án và dự án về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2026 - 2030; chú trọng các giải pháp để giải quyết hiệu quả những vấn đề cấp bách về môi trường và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp toàn diện về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn đến năm 2035; xây dựng và kế hoạch thực hiện của tỉnh phải gắn với quá trình chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng thử nghiệm và nhân rộng các mô hình kinh tế tuần hoàn trong các ngành, lĩnh vực.

- Thực hiện hiệu quả chuyển đổi năng lượng; từng bước hạn chế sử dụng nhiên liệu hóa thạch, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng mới hướng tới bảo đảm an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, giảm ô nhiễm môi trường.

- Phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ, phát thải thấp; phát triển chuỗi sản xuất, phân phối và tiêu dùng thực phẩm xanh, an toàn; tăng cường công tác tuyên truyền, áp dụng các giải pháp, mô hình hay nhằm hướng đến giảm tình trạng thất thoát và lãng phí lương thực, thực phẩm.

- Nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển các ngành kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Triển khai thực hiện chính sách, quy định mua sắm công xanh, chi tiêu công xanh, nhãn sinh thái.

- Triển khai các giải pháp chuyển đổi số sâu, rộng góp phần thúc đẩy chuyển đổi xanh, tăng cường chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng ngừa, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai

4.1. Về thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống và giảm nhẹ thiên tai

- Định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu; tiếp tục nâng cao năng lực nghiên cứu, ưu tiên nghiên cứu về ứng phó với thiên tai; từng bước làm chủ công nghệ trong dự báo thiên tai, dự báo tác động của biến đổi khí hậu; hiện đại hóa hệ thống quan trắc, dự báo, cảnh báo thiên tai, đặc biệt là các thiên tai có nguồn gốc từ khí tượng thủy văn; huy động nguồn lực xây dựng hệ thống giám sát bờ sông bằng công nghệ viễn thám, góp phần giảm thiểu tổn thất và thiệt hại.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao khả năng phòng, chống thiên tai. Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 (cập nhật), tầm nhìn đến năm 2050; nghiên cứu, thử nghiệm và nhân rộng các mô hình hay, có hiệu quả về thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng, áp dụng các giải pháp dựa vào tự nhiên .

- Điều tra, đánh giá, di dời và tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao gắn với các giải pháp bảo đảm sinh kế bền vững, chủ động ứng phó với sạt lở đất; đề xuất các chương trình gia cố đê bao tại các khu vực có nguy cơ sạt lở, đảm bảo an toàn cho người dân sinh sống.

- Chủ động, tích cực phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án, đề án phòng chống sụt lún đất, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn hiện nay Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030; nghiên cứu, áp dụng các giải pháp giảm tình trạng ngập lụt đô thị trong bối cảnh biến đổi khí hậu; làm mát đô thị theo hướng thuận thiên, thân thiện với hệ thống khí hậu.

- Huy động và dự trữ nguồn lực để khắc phục, tái thiết cho các khu vực, hộ gia đình bị ảnh hưởng do thiên tai, biến đổi khí hậu; tiếp tục nâng cao hiệu quả việc thu và chi Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

4.2. Về giảm phát thải khí nhà kính

- Triển khai thực hiện kiểm kê khí nhà kính trên địa bàn tỉnh, rà soát và yêu cầu các cơ sở thuộc Danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; giao các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường định kỳ cung cấp thông tin, số liệu liên quan phục vụ kiểm kê khí nhà kính; kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, rà soát, cập

nhật điều chỉnh danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính trên địa bàn; đôn đốc các cơ sở phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh, xây dựng kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định. Khuyến khích các cơ sở phát thải khác, đặc biệt là các cơ sở thuộc khu vực công, thực hiện kiểm kê và giảm phát thải khí nhà kính.

- Triển khai hiệu quả kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng; phát triển hạ tầng truyền tải điện thông minh, tăng tỷ trọng điện sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, triển khai áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến về lưu trữ năng lượng.

- Thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan lĩnh vực giao thông vận tải; xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng; từng bước thay thế nguyên vật liệu gây phát thải khí nhà kính; từng bước giảm, thay thế sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong sản xuất.

- Thực hiện kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính ngành nông nghiệp; triển khai hiệu quả Đề án Phát triển bền vững một triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030; Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030.

- Thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực quản lý chất thải.

- Quản lý hiệu quả các chất và sản phẩm, thiết bị có chứa chất làm suy giảm tầng ô-dôn và chất gây hiệu ứng nhà kính.

5. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý về tài nguyên, đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên

5.1. Đối với tài nguyên đất

- Điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là nguồn tài nguyên đất chưa sử dụng; thực hiện các biện pháp khuyến khích khai hoang, phục hóa. Ứng dụng công nghệ mới trong điều tra, giám sát xâm nhập mặn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng để quản lý, sử dụng đất bền vững.

- Đánh giá tình hình sử dụng đất ở tại các khu dân cư, khu đô thị mới, đảm bảo sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, kiên quyết xử lý đối với các trường hợp đầu cơ, chậm đưa đất vào sử dụng.

- Xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống công khai thông tin tài nguyên môi trường (bao gồm cơ sở dữ liệu về đất đai, môi trường, tài nguyên nước, khoáng sản, đa dạng sinh học).

5.2. Đối với tài nguyên nước

- Chủ động nguồn nước cấp cho các mục đích sinh hoạt và sản xuất.

- Điều tra cơ bản các công trình; xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, chuyển đổi số trong điều hòa, phân phối, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

- Áp dụng các biện pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả. Chủ động giữ nước ngọt với quy mô từng vùng nhằm khắc phục hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước về mùa khô tại các xã vùng hạ của tỉnh; bảo vệ không gian thoát lũ sông Vàm Cỏ Đông; Vàm Cỏ Tây. Thực hiện các giải pháp hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm giảm sụt lún, nhiễm mặn; kiên quyết trám lấp giếng tại các khu vực có tuyến ống cấp nước đi qua.

5.3. Đối với tài nguyên địa chất và khoáng sản

- Triển khai hiệu quả công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; kiểm tra các khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ để khoanh định, công bố, làm cơ sở để lập phương án quy hoạch khoáng sản cấp tỉnh.

- Điều tra, đánh giá trữ lượng và áp dụng các giải pháp khai thác phù hợp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp vật liệu xây dựng thông thường cho xây dựng hạ tầng đường bộ.

- Tăng cường, nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát hoạt động khai thác khoáng sản, đặc biệt là khai thác cát, sỏi lòng sông; thực hiện hiệu quả đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

5.4. Đối với tài nguyên rừng

- Tiếp tục đẩy mạnh việc trao quyền quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho cộng đồng, hạn chế tối đa chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; thực hiện việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; đảm bảo đủ các điều kiện để tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

- Xây dựng các mô hình chia sẻ lợi ích công bằng trong quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để thúc đẩy sự tham gia của các cộng đồng địa phương; thúc đẩy cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

- Có giải pháp tăng tỷ lệ che phủ rừng; ngăn chặn tình trạng phá rừng, khai thác rừng trái phép nhằm bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

6. Tập trung, ưu tiên nguồn lực để giải quyết hiệu quả các vấn đề cấp bách về môi trường, chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại các đô thị. Xây dựng và triển khai các dự án cấp nước, cải tạo, phục hồi các hồ ao, các đoạn sông, kênh, rạch có dấu hiệu ô nhiễm.

- Triển khai thực hiện các hoạt động tái chế, chuyển đổi chất thải thành tài nguyên, tăng cường thu hồi năng lượng; giảm dần tỷ lệ chôn lấp chất thải; đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đầu tư, xây dựng khu công nghệ môi trường xanh

để xử lý chất thải rắn trên địa bàn. Kêu gọi đầu tư, huy động các nguồn xã hội hóa đối với các dự án xử lý chất thải, ưu tiên dự án có công nghệ đốt rác phát điện.

- Nghiên cứu thay thế các sản phẩm bao bì nhựa, túi ni lông khó phân hủy bằng các vật liệu thân thiện môi trường, dễ phân hủy sinh học; tổ chức thu gom, vận chuyển, tái chế và xử lý hiệu quả chất thải nhựa, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường do chất thải nhựa gây ra.

- Cải thiện chất lượng môi trường không khí tại các đô thị lớn; có biện pháp giảm thiểu, kiểm soát chặt chẽ chất lượng khí thải của các phương tiện giao thông cơ giới; phát triển hệ thống giao thông công cộng, các phương tiện thân thiện môi trường. Tăng cường các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm khí thải, bụi từ hoạt động xây dựng, đốt rơm rạ và phụ phẩm nông nghiệp, các cơ sở công nghiệp phát sinh khí thải lớn; tăng diện tích cây xanh, mặt nước, tăng cường vệ sinh môi trường đô thị. Triển khai các mô hình lọc bụi mịn đô thị tự động bằng năng lượng gió và mặt trời tại các tuyến đường trung tâm đô thị.

- Xây dựng và nâng cấp các công trình trữ nước sử dụng cho mùa khô; tăng cường kiểm soát và bảo dưỡng các hệ thống kênh mương, đập cống, hồ chứa nước để đảm bảo hiệu quả sử dụng.

- Nghiên cứu, triển khai đề án xây dựng hệ thống thu gom nước mưa để trữ nước sử dụng cho mùa khô; sử dụng các công nghệ dự báo khí hậu và mô hình thủy văn để đưa ra cảnh báo sớm về tình trạng hạn hán, thiếu nước; tăng cường chia sẻ thông tin về tình hình nước triển khai các chương trình hợp tác trong bảo vệ và sử dụng nguồn nước hiệu quả.

- Xây dựng các hệ thống phân phối nước đồng bộ và kết nối để các khu vực khô hạn dễ dàng tiếp cận nước; đầu tư xây dựng các hệ thống hạ tầng cung cấp nước sạch và hỗ trợ việc sử dụng nước hiệu quả tại các khu vực nông thôn.

- Tăng cường bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, đất ngập nước; có biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm của các khu bảo tồn thiên nhiên, Vườn Quốc gia Lò Gò - Xa Mát, Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen, Khu bảo tồn đất ngập nước Láng Sen, Khu bảo tồn đa dạng sinh học - cây dược liệu Đồng Tháp Mười. Triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm bảo vệ các loài động vật hoang dã, đặc biệt là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài di cư. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp đã được đề ra trong Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh, theo dõi chặt chẽ các thông số ô nhiễm trong nước mặt, không khí thông qua các hệ thống quan trắc nước mặt, không khí tự động, liên tục; thường xuyên theo dõi diễn biến và chất lượng nước dưới đất; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học đồng bộ từ tỉnh đến xã, phường.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả;

- Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị có liên quan tổ chức quán triệt nội dung Kết luận số 81-KL/TW ngày 04/6/2024 của Ban chấp hành Trung ương về Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân.

- Xây dựng và lồng ghép các định hướng về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trong các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch của ngành, các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch của địa phương.

- Xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ, lồng ghép trong kế hoạch nhiệm vụ hàng năm hoặc giai đoạn của ngành, địa phương để phân bổ nguồn ngân sách thực hiện các nhiệm vụ để phân công trong Kế hoạch này theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, UBND các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân.

Thủ trưởng các đơn vị tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 122/NQ-CP ngày 08/5/2025 của Chính phủ và Kế hoạch này; đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh; kịp thời xây dựng hoặc lồng ghép, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 15/12 hàng năm** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, rà soát ban hành mẫu báo cáo chung trên địa bàn tỉnh để các đơn vị báo cáo theo quy định, đồng thời, định kỳ **trước ngày 31/12 hàng năm** tổng hợp kết quả triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị chủ động đề xuất các biện pháp để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC. NHIỆM VỤ/KẾ HOẠCH/CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN/DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 27/ 01/2026 của UBND tỉnh)

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm và thay đổi hành vi của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành có liên quan và UBND các xã, phường	Hằng năm
2	Đầu tư các hồ dự trữ nước ngọt trên địa bàn tỉnh và gia cố, cải tạo hồ chứa nước	- Đầu tư 04 hồ chứa nước có tổng diện tích khoảng 500ha: Thạnh An (*tại xã Thạnh Hóa, tỉnh Tây Ninh*), Bình Hiệp (*tại xã Bình Hiệp, tỉnh Tây Ninh)*, Bàu Biển (*tại xã Vĩnh Hưng, tỉnh Tây Ninh*), Hưng Điền (*tại xã Hưng Điền, tỉnh Tây Ninh*). - Gia cố, cải tạo hồ chứa nước Tha La (xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (*nay là xã Tân Thành, tỉnh Tây Ninh*)); hồ Nước Trong 1, 2 (xã Tân Hội, tỉnh Tây Ninh) và các hồ, ao khác. Nhằm có đủ nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dân	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành có liên quan và UBND các xã, phường	2026-2030

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		sinh trước nguy cơ không có mùa lũ và xâm nhập mặn dâng cao			
3	Rà soát, điều tra, đánh giá hiện trạng công trình thủy lợi, đê điều; công trình phục vụ phòng chống thiên tai để xây dựng Phương án/Kế hoạch phát triển công trình thủy lợi, đê điều; công trình phục vụ phòng chống thiên tai; đề xuất các giải pháp đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình, trong đó ưu tiên các công trình tích, trữ nước, phòng chống hạn, xâm nhập mặn; tiêu thoát nước; phòng chống sạt lở,… áp dụng công nghệ mới thân thiện với môi trường và các giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ đối với giải pháp đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình.	Nâng cao công tác quản lý, vận hành khai thác; đảm bảo an ninh, an toàn công trình nhằm đảm bảo cấp nước tưới, tiêu; phòng chống hạn, xâm nhập mặn, nước biển dâng; góp phần phát triển sản xuất, kinh tế - xã hội và bảo vệ an toàn dân cư; tăng cường khả năng ứng phó và chống chịu biến đổi khí hậu, thiên tai; từng bước hoàn thiện hạ tầng thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ngành có liên quan và UBND các xã, phường	Hàng năm; Kế hoạch 2025-2030
4	Đầu tư xây dựng Khu công nghệ môi trường xanh, quy mô 200 ha (theo Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ)	Thu hút đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải tập trung nhằm tái chế, xử lý chất thải liên vùng, liên tỉnh	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ngành có liên quan, UBND các xã thuộc khu quy hoạch	2026-2030

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
5	Triển khai Đề án "Phát triển bền vững 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030"	Đảm bảo mục tiêu bán tín chỉ carbon từ sản xuất lúa phát thải thấp vào năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành, UBND các xã, phường có liên quan	2029 - 2030
6	Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	Thiết lập hệ thống quản lý, chủ động và hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí, từ đó nâng cao chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành, UBND các xã, phường	2026
7	Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt cấp tỉnh	Thiết lập hệ thống quản lý, chủ động nhằm kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành, UBND các xã, phường	2026
8	Xây dựng kế hoạch thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050	Kiểm kê, đánh giá hiện trạng phát thải khí nhà kính trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp, chất thải. Phân tích, đánh giá tiềm năng giảm nhẹ phát thải của từng lĩnh vực, xác định các hoạt động, công nghệ và giải pháp có khả năng giảm nhẹ phát thải khí nhà kính hiệu quả. Xây dựng kịch bản và lộ trình giảm phát thải khí nhà kính đến năm 2030,	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành, UBND các xã, phường	2027-2028

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		định hướng đến năm 2050, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh. Đề xuất các nhiệm vụ, dự án ưu tiên nhằm thúc đẩy giảm phát thải khí nhà kính; xác định cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp trong triển khai thực hiện. Đề xuất các chính sách, cơ chế tài chính, hỗ trợ kỹ thuật và huy động nguồn lực xã hội hóa để thực hiện kế hoạch giảm phát thải.			
9	Đánh giá tiềm năng và đề xuất cơ chế trao đổi bù trừ tín chỉ các bon trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Điều tra, thu thập và tổng hợp số liệu về phát thải và hấp thụ khí nhà kính theo các lĩnh vực chính. Đánh giá tiềm năng giảm phát thải và hấp thụ các-bon của từng lĩnh vực, xác định các khu vực, ngành nghề có khả năng tạo ra tín chỉ các-bon. Phân tích, đánh giá các cơ chế, mô hình trao đổi tín chỉ các-bon đang được áp dụng trong nước và quốc tế, xác định khả năng áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Tây Ninh. Đề xuất cơ chế quản lý, vận hành và chia sẻ lợi ích từ hoạt động trao đổi, bù trừ tín chỉ các-	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành, UBND các xã, phường	2027-2028

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		bon; xây dựng quy trình quản lý, theo dõi, kiểm kê và xác minh tín chỉ.			
10	Thí điểm phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn và thúc đẩy tuần hoàn tài nguyên tại tỉnh Tây Ninh do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Hàn Quốc (KOICA) tài trợ	Thí điểm nhằm thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực chất thải, giảm tỷ lệ rác thải chôn lấp, tăng tỷ lệ tái chế, tái sử dụng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng Long An	Sở Tài chính, Sở Xây dựng, và UBND các xã, phường	2024 – 2028 (tiếp tục thực hiện giai đoạn)
11	Kế hoạch triển khai chuyên đề về "Tăng trưởng và phát triển xanh gắn với giảm thiểu phát thải khí nhà kính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh"	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về tăng trưởng và phát triển xanh gắn với giảm thiểu phát thải khí nhà kính; cải thiện chất lượng môi trường, khuyến khích các doanh nghiệp đang hoạt động có lộ trình chuyển đổi, áp dụng công nghệ hiện đại để giảm phát thải; tăng cường công tác quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và nước thải đô thị; xây dựng hạ tầng đô thị xanh; phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; tăng cường sản xuất và sử dụng năng lượng tái tạo, nâng cao hiệu suất, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, sử dụng nguồn nguyên liệu, năng lượng thân thiện với môi trường;	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành, UBND các xã, phường	2026

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
		định hướng cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon tiến đến xây dựng được thị trường tín chỉ carbon và khuyến khích các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh tự nguyện tham gia thị trường carbon trên cơ sở hài hòa về lợi ích			
12	Đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Thu thập, tổng hợp và cập nhật dữ liệu; đánh giá hiện trạng và xu thế biến đổi khí hậu tại địa phương; xác định các lĩnh vực, khu vực và đối tượng dễ bị tổn thương; phân tích rủi ro, tổn thất và thiệt hại có thể xảy ra do biến đổi khí hậu. Trên cơ sở đó, rà soát, cập nhật các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành, UBND các xã, phường	2026-2027
13	Xây dựng quy chế, kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên nằm trên địa bàn tỉnh	Thiết lập khung pháp lý thống nhất phục vụ công tác quản lý, bảo vệ môi trường đối với các khu vực di sản thiên nhiên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở ngành, UBND các xã, phường	2027
14	Nghiên cứu tính toán tiềm năng giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp - năng lượng	Đánh giá hiện trạng, đề xuất giải pháp giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực công nghiệp - năng lượng	Sở Công Thương	Cục Thống kê Long An; các sở, ngành có liên quan và UBND các xã, phường	2026-2030

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
15	Triển khai Chương trình hạn chế sử dụng nhựa một lần, túi nilon khó phân hủy tại các siêu thị, chợ, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, khu vui chơi, giải trí	Giảm thiểu việc sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi nilon khó phân hủy trong các hoạt động thương mại, dịch vụ, du lịch, thay thế bằng các sản phẩm thân thiện môi trường góp phần bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Công Thương	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch; Sở Tài chính; UBND các xã, phường	2026 - 2030
16	Lồng ghép nội dung về phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường vào chương trình giáo dục ở trường học	Nâng cao nhận thức, ý thức giữ gìn bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các xã, phường; trường tiểu học, trung học trên địa bàn	Hàng năm
17	Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn, tập huấn nâng cao năng lực cho các tổ chức, cá nhân ngành du lịch ứng phó với biến đổi khí hậu	Trang bị kiến thức và kỹ năng cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực du lịch về các giải pháp ứng phó, thích ứng và quản lý rủi ro khí hậu trong hoạt động du lịch; thúc đẩy du lịch bền vững, thân thiện với môi trường	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành có liên quan và UBND các xã, phường	2026-2030
18	Xây dựng hệ thống thu gom và nhà máy xử lý nước thải đô thị	Thu gom, xử lý nước thải, giảm ô nhiễm nguồn nước	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, UBND các xã, phường	2026-2030

STT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Mục tiêu, nội dung thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
19	Triển khai Dự án "Nhân rộng phương pháp tiếp cận khu công nghiệp sinh thái để thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam" trên địa bàn tỉnh	Thúc đẩy mô hình phát triển khu công nghiệp sinh thái theo hướng kinh tế tuần hoàn	Ban Quản lý khu kinh tế	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ đầu tư hạ tầng Khu, cụm công nghiệp	2026 - 2030